

Bản án số: 70 /2019/DS-PT

Ngày: 18 - 6 - 2019.

V/v Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tôn Thị Thanh Thúy

Các Thẩm phán: 1- Ông Võ Hoàng Anh.

2- Ông Nguyễn Văn Dũ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Út - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Ông Trần Văn Nghiệp - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 125/2018/TLPT-DS ngày 01 tháng 10 năm 2018 về việc " *Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất* ".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 21/2018/DS-ST ngày 2 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 106/2019/QĐ-PT ngày 08 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **A**, sinh năm 1955 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã A, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông **B**, sinh năm 1990. Địa chỉ: đường Q, khóm T, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (Theo văn bản ủy quyền ngày 30/9/2016), ông B có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông **C**, sinh năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã A, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng.

3. Các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà **NLQ 1**, sinh năm 1965 (vắng mặt)

3.2. Bà **NLQ 2**, sinh năm 1984 (có mặt)

3.3. Ông **NLQ 3**, sinh năm 1986 (có mặt)

Cùng địa chỉ: số 65 ấp H, xã A, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lý Thị Hương, NLQ 2 và NLQ 3: ông C, cùng địa chỉ: ấp H, xã A, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng Theo văn bản ủy quyền ngày 22/5/2019), ông C (có mặt).

3/- Người kháng cáo: Của nguyên đơn bà A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ kiện được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn bà A có người đại diện hợp pháp là ông B trình bày như sau:

Nguyên vào năm 1967 bà A được cấp 1 phần diện tích đất toạ lạc tại ấp Ấp H, xã A, huyện M (nay là huyện Đ), tỉnh Sóc Trăng, gia đình của bà A đã sử dụng diện tích đất này cho đến năm 1975 thì ông D lúc đó là Bí thư xã A đến liên hệ với bà A mượn phần diện tích đất này để làm tổ thu mua lương thực. Sau 03 năm hoạt động thì tổ thu mua giải thể không còn hoạt động nhưng chưa trả lại đất cho bà nhưng ông F là cha của ông C chiếm sử dụng sau đó cho lại ông C sử dụng cho đến nay.

Trong suốt thời gian hơn 20 năm bà A đã làm nhiều đơn yêu cầu đến các cấp có thẩm quyền để yêu cầu giải quyết buộc ông F phải trả lại phần diện tích đất này cho bà. Đến ngày 08/4/1995 thì Ủy ban nhân dân huyện M đã có Quyết định số 54/QĐ-UBH giải quyết trả lại phần diện tích đất này cho bà A, nhưng phía ông C vẫn không trả, trong khi đó gia đình bà A không còn chỗ ở nào khác. Trong thời gian còn khiếu nại thì không biết bằng cách nào đó mà ông C đã kê khai đăng ký quyền sử dụng đất bao trùm hết toàn bộ phần diện tích đất của bà A. Vì vậy, mà bà A đã khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện M để yêu cầu xét xử buộc gia đình ông C phải có trách nhiệm giao trả phần diện tích đất mà ông đã chiếm của bà A và đại diện hợp pháp của nguyên đơn khẳng định phần diện tích tranh chấp là Tổ thu mua trước đây đã được Ủy ban nhân dân huyện M giải quyết theo Quyết định số 54/QĐ-UBH, ngày 08/4/1995 vị trí hiện tại là diện tích từ bờ kênh xáng đến hết ranh đất lò xáy (diện tích theo đo đạc thực tế là 595,8m²), còn phần còn lại là ao nuôi cá diện tích 330,3m² Quyết định số 54/QĐ-UBH, ngày 08/4/1995 chưa giải quyết.

Nay bà A yêu cầu Tòa giải quyết buộc ông C và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải có trách nhiệm giao trả lại phần đất khoảng 900m², tại thửa 470, đất toạ lạc tại ấp H, xã A, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng nhưng tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi một phần nội dung khởi kiện đó là yêu cầu gia đình ông C trả lại cho bà A diện tích theo đo đạc thực tế là 926,1m², thuộc thửa 470, đất toạ lạc tại ấp H, xã A, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn ông C trình bày:

Nguồn gốc đất đang tranh chấp là của bà N (bà N đã chết) cho ông G (ông G đã chết) là cậu ruột của bà A thuê làm nhà máy, đến năm 1974 ông G bán nhà máy xay lúa cho mẹ ông là bà H, việc mua bán có làm giấy tay và giao kết mẹ ông tiếp tục thuê đất của bà N. Sau năm 1975 cha ông là F có đi đăng ký quyền sử dụng đất và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1994 tại thửa 470, diện tích tổng cộng là 2.600m²

đất toạ lạc tại ấp H, xã A, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng. Năm 1997 cha mẹ ông cho lại phần đất trên cùng nhà máy xay lúa cho ông và ông cất thành lò xây và sử dụng, đến năm 2002 thì ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông C trình bày thêm là việc tranh chấp trên đã được Ủy ban nhân dân huyện M giải quyết theo Quyết định số 54/QĐ-UBH, ngày 08/4/1995, theo Quyết định số 54/QĐ-UBH, ngày 08/4/1995 giải quyết phần đất của Tổ thu mua vị trí hiện tại là diện tích từ bờ kênh xáng đến hết ranh đất lò xây, còn phần còn lại là ao nuôi cá Quyết định số 54/QĐ-UBH, ngày 08/4/1995 chưa giải quyết.

Qua yêu cầu của nguyên đơn thì ông không đồng ý vì phần đất trên không phải của bà A, gia đình ông đã sử dụng ổn định từ trước đến nay và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà NLQ 1, NLQ 3 và NLQ 2 thống nhất với lời trình bày của ông C.

Sự việc được Tòa án nhân dân huyện Đ thụ lý, giải quyết như sau:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 điều 91, điểm g khoản 1 Điều 217, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị định số 70/CP, ngày 12 tháng 6 năm 1997 về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả lại diện tích đất 330,3m², tại thửa 470, đất toạ lạc tại ấp H, xã A, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả lại diện tích đất 595,8m², tại thửa 470, đất toạ lạc tại ấp H, xã A, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng (vị trí của Tổ thu mua trước đây đã được giải quyết vị trí hiện tại là diện tích từ bờ kênh xáng đến hết ranh đất lò xây)

Ngoài ra cấp sơ thẩm còn tuyên án phí, chi phí định giá và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 10 tháng 9 năm 2018 nguyên đơn bà A có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm số 21/2018/DS-ST, ngày 22/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ. Yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết xét xử lại vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả lại diện tích đất 330,3m² và buộc bị đơn giao trả diện tích đất 595,8m² hai phần đất cùng thuộc thửa số 470, tờ bản đồ số 05, toạ lạc ấp H, xã A, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo; Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc

thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, sau khi phân tích và đánh giá chứng cứ kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự hủy một phần bản án sơ thẩm giao hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại đối với phần đất cấp sơ thẩm đã đình chỉ và không chấp nhận kháng cáo của bà A đối với phần yêu cầu ông C trả 330,3m².

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của nguyên đơn bà A là đúng theo quy định tại các Điều 271, 272 và 275 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định.

[1.2] Tại phiên tòa hôm nay, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ 1, NLQ 2, NLQ 3 vắng mặt có người đại diện theo ủy quyền là ông C có mặt, người kháng cáo là A vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền là ông B vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2, khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn khởi kiện cho rằng, phần đất tranh chấp có diện tích 926,1m² đất thuộc thửa số 470, tờ bản đồ số 05, tọa lạc ấp H, xã A, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng là của Nhà nước cấp, sau đó chính quyền địa phương mượn làm tổ thu mua lương thực. Sau khi tổ thu mua không hoạt động nữa thì ông F là cha của bị đơn C vào chiếm và sử dụng cho đến nay. Nay bà khởi kiện yêu cầu ông C trả lại toàn bộ diện tích đất nêu trên.

[2.2] Bị đơn C thì cho rằng, phần đất tranh chấp có nguồn gốc của bà N cho ông G thuê làm nhà máy, đến năm 1974 thì ông G bán nhà máy xây lúa này lại cho mẹ ông là bà H, đến năm 1997 thì mẹ ông cho lại ông phần đất này nên ông cất lò xấy và sử dụng cho đến nay, trong quá trình sử dụng ông đã đi kê khai để cấp đổi quyền sử dụng đất và ông đã được cấp Giấy chứng nhận đối với phần đất này. Do đó ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn A.

[2.3] Theo quyết định 54/QĐ-UBH, ngày 08/4/1995 của Ủy ban nhân dân huyện M về việc giải quyết tranh chấp đất giữa bà A và ông F thì không thể hiện diện tích giao trả cho bà A là bao nhiêu chỉ thể hiện phần đất thổ cư mượn để xây dựng kho thu mua lương thực và theo đơn khiếu nại của bà A thì thể hiện bà yêu cầu diện tích là ngang 20m, dài 40m. Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn và bị đơn xác nhận phần đất trước đây Ủy ban nhân dân huyện M đã giải quyết là phần đất làm sân phơi và hiện nay là phần đất ông C xây dựng lò xấy có diện tích theo đo đạc thực tế đất 595,8m² và phần đất ao phía trước bà A cũng yêu cầu giải quyết nhưng chưa giải

quyết có diện tích theo đo đạc thực tế 330,3m², hai phần đất này thuộc thửa 470, đất toạ lạc tại ấp H, xã A, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn về việc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn giao trả diện tích đất 595,8m² tại thửa số 470, tờ bản đồ số 05, toạ lạc ấp H, xã A, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng, nhận thấy: Tại phiên tòa sơ thẩm, cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận phần đất tranh chấp có diện tích 595,8m² đã được Ủy ban nhân dân huyện M giải quyết tại Quyết định số 54/QĐ-UBH, ngày 08/4/1995 (631, 632). Sự thừa nhận này của các bên đương sự phù hợp với Công văn 456/CV-TNMT, ngày 26/11/2014 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ (BL 345) trả lời cho Tòa án thể hiện nội dung “*Việc giải quyết tranh chấp giữa bà A và ông C là tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất cho mượn, đã được Chủ tịch UBND huyện M ban hành quyết định giải quyết tranh chấp số 54/QĐ.UBN, ngày 08/4/1995*” và phù hợp với Công văn số 579/UBND-VP, ngày 14/9/2015 của Ủy ban nhân dân huyện M (BL 354) trả lời cho Tòa án có nội dung “*Việc tranh chấp đất giữa bà A với ông F được Hội đồng giải quyết đất đai huyện, xã giải quyết và được UBND huyện M ban hành quyết định số 54/QĐ-UBH, ngày 08/4/1995. Quy trình chuyển khai quyết định các bên không có khiếu nại*”. Tại phiên tòa sơ thẩm, các bên đều thừa nhận phần đất tranh chấp 595,8m² chính là phần đất đã được Ủy ban huyện M giải quyết tại Quyết định số 54/QĐ-UBH, ngày 08/4/1995, khi chuyển khai quyết định này cũng không có ai khiếu nại gì. Mặc dù, trong Quyết định số 54/QĐ-UBH, ngày 08/4/1995 không thể hiện rõ diện tích nhưng theo sự thừa nhận của các đương sự, các văn bản trả lời của Ủy ban nhân dân huyện M cũng như các biên bản **xác minh của Tòa án thể hiện** phần đất tranh chấp trước đây là **phần đất dùng** làm lằm lúa (lò xấy hiện nay) trở về hướng kinh xáng, còn phần đất phía trước là ao ông F quản lý sử dụng trước đây không có tranh chấp nên phần đất ao không nằm trong phần đất giải quyết của quyết định 54/QĐ-UBH, ngày 08/4/1995 của Ủy ban nhân dân huyện M. Như vậy, đối với phần đất 595,8m² này đã được Cơ quan Nhà nước giải quyết bằng một Quyết định có hiệu lực pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền là quyết định số 54/QĐ-UBH, ngày 08/4/1995 của Ủy ban nhân dân huyện M. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ điểm g khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự đình giải đối với yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên kháng cáo của nguyên đơn là không có căn cứ, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Đối với kháng cáo của nguyên đơn về việc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả lại phần đất có diện tích 330,3m² thuộc thửa số 470, tờ bản đồ số 05, toạ lạc ấp H, xã A, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng, nhận thấy: nguyên đơn khởi kiện cho rằng phần đất này là của nguyên đơn nhưng lại không chứng minh được nguồn gốc phần đất tranh chấp, nguyên đơn cũng không chứng minh được nguyên đơn có sử dụng phần đất đang tranh chấp, cũng như được cơ quan có thẩm quyền cấp đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong khi đó, bị đơn có chứng minh được phần đất tranh chấp có nguồn gốc đất là của bà N (bà N đã chết), khi còn sống bà N cho ông G thuê vào năm 1970, khi cho thuê hai bên có làm tờ giao kèo mượn đất lập ngày 06/7/1970 và trong hợp đồng thuê đất thì hai bên có thỏa thuận cho ông G xây nhà máy xây lúa trên đất, sau đó ông G bán nhà máy cho bà H là mẹ của bị đơn C vào năm 1974 và

khi đó cũng thỏa thuận bà H tiếp tục thuê đất nhưng sau đó bà N, ông G chết thì bà H, ông F là người quản lý, sử dụng ổn định trên phần đất này không có tranh chấp, đến năm 1994 thì ông F đã đi kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 03/10/1994. Sau đó ông F cho lại ông C và ông C cũng đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2002 và từ năm 1974 đến nay thì gia đình ông C và ông C đều sử dụng phần đất tranh chấp này. Từ phân tích trên thấy rằng cấp sơ thẩm giải quyết không chấp nhận yêu cầu của bà A là có căn cứ nên kháng cáo của nguyên đơn A về phần này cũng không có căn cứ, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Từ những phân tích nêu trên thấy rằng toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn A là không có căn cứ, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về việc hủy một phần bản án sơ thẩm đối với phần đất cấp sơ thẩm đã đình chỉ là không có căn cứ, Hội đồng xét xử không chấp nhận. Đối với đề nghị của kiểm sát viên bác kháng cáo của nguyên đơn đối với phần đất ao có diện tích theo đo đạc thực tế 330,3m², hai phần đất này thuộc thửa 470, đất tọa lạc tại ấp H, xã A, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Tuy nhiên, việc cấp sơ thẩm tính án phí sơ thẩm đối với nguyên đơn A là chưa chính xác, bởi vì theo Nghị định 70/CP, ngày 12/6/1997 của Chính phủ quy định về án phí, lệ phí Tòa án chưa xác định được án phí trong trường hợp này là có giá ngạch hay không có giá ngạch và cũng không có văn bản hướng dẫn trong trường hợp này. Do vụ án được giải quyết năm 2018, tại điểm a, khoản 2 Điều 17 của Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP, ngày 13/6/2012 trong trường hợp tranh chấp quyền sở hữu tài sản không xem xét về giá trị thì đương sự chỉ chịu án phí không có giá ngạch; tại điểm a, khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội cũng quy định trong trường hợp tranh chấp quyền sở hữu tài sản mà không xem xét giá trị thì tính án phí không có giá ngạch. Trên tinh thần này cũng như áp dụng trường hợp có lợi cho đương sự nên căn cứ vào Điều 48 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì án phí được tính trong trường hợp này là không có giá ngạch, theo đó thì nguyên đơn chỉ chịu án phí 50.000 đồng thì mới chính xác. Vì vậy, cấp sơ thẩm sửa lại cho phù hợp quy định pháp luật.

[8] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của nguyên đơn A không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án bà A phải chịu là 300.000 đồng án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà A. Sửa một phần bản án sơ thẩm số 21/2018/DS-ST, ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng về phần án phí. Tuyên xử sửa lại như sau:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 điều 91, điểm g khoản 1 Điều 217; Nghị định số 70/CP, ngày 12 tháng 6 năm 1997 về án phí và lệ phí Tòa án; Điều 48 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án.

[1] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả lại diện tích đất 330,3m², tại thửa 470, đất tọa lạc tại ấp H, xã A, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng.

[2] Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả lại diện tích đất 595,8m², tại thửa 470, đất tọa lạc tại ấp H, xã A, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng (vị trí của Tổ thu mua trước đây đã được giải quyết vị trí hiện tại là diện tích từ bờ kênh xáng đến hết ranh đất lò xáy)

[3] Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Bà A phải chịu 3.305.600 đồng, bà A đã nộp 3.005.500 đồng, ông C đã nộp 300.000 đồng. Bà A có nghĩa vụ trả lại cho ông C tiền chi phí thẩm định, định giá là 300.000 đồng.

[4] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn A phải chịu 50.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.170.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 002008, ngày 11/12/2006 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Bà A được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp còn thừa là 1.120.000 đồng.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn A phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc bà A đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002835 ngày 21/9/2018 tại Chi cục Thi hành án huyện Đ, bà A đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

[6] Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: TDS-HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Tôn Thị Thanh Thúy